

NƯỚC MỸ SAU KHI VIỆT NAM CỘNG HÒA CHẾT 8

(Tiếp theo 7)

Công dân Ngô Đình Diệm, sau khi được dạy dỗ trong gia đình Công giáo và tốt nghiệp trường Hậu Bổ (Hành chán) đã phụng sự Công Quyền cho đến chức vụ Thượng thư Bộ Lại, đứng đầu nội các, để cải thiện Dân chủ. Gặp sự chống đối của thực dân Pháp, ông từ chức.

Tránh sự hãm hại của thực dân và cộng sản, ông dùng thời gian đó để xuất ngoại. Đến Vatican, ông tham dự Năm Thánh và yết kiến Đức Thánh Cha Piô XII và thăm Mỹ lẫn Âu châu để trau dồi kiến thức sinh hoạt chính trị quốc tế.

Tháng 05/1953, theo lời mời của một số chính khách Công giáo có khuynh hướng quốc gia và chống cộng, ông Diệm bay sang Pháp rồi, sau đó, qua Bỉ trú ngụ tại Đan viện Saint-André de Bruges. Tại tu viện dòng Biển Đức này, ngày 01.01.1954, Kitô hữu Gioan Tiền hô đã tuyên khấn trong bậc oblat (giáo dân hứa sống theo Linh đạo Dòng) với tên dòng ODILON. Đây là một điều ‘tiên tri’ vì Thánh Odilon là Bỏ mạng những người tị nạn mà chính Tổng thống Diệm đã giúp đem hơn 800 ngàn người di cư từ Miền Bắc vào Nam và an cư lạc nghiệp đồng bào một cách mỹ mãn. Ngoài ra, Thánh Odilon là Linh mục đã bắt đầu cử hành Thánh Lễ Cầu cho các Linh hồn ngày 2 tháng 11 cũng là ngày ông Diệm qua đời năm 1963.

Tiền nhân chúng ta dạy ‘Tu thân, tích đức, tề gia, trị quốc’ là thế !
(lời dạy này còn thêm ‘bình thiên hạ’ là điều ông Diệm không nghĩ tới vì Hiến Pháp 1956 định chỉ 2 nhiệm kỳ, ông ước muốn về phụng dưỡng Mẹ và, sau đó đi tu với ước vọng chăm lo cho cô nhi tử sĩ).

Paix. + Au nom de
Notre Seigneur Jesus Christ
Ainsi soit-il.

Moi, frère Jean-Baptiste,
Odilon, Ngô Đình Diệm, je
m'offre à
Dieu tout puissant,
à la Bienheureuse Vierge Marie,
à notre saint Père Benoît
pour le monastère de Saint-André,
et je promets la conversion de
mes mœurs suivant l'esprit de
la Règle du même saint Père
Benoît, d'après les statuts des
Oblats, en présence
de Dieu
et de tous les saints.

(Thư xin khấn oblat của Kitô hữu

Ngô Đình Diệm)

I./ DI CƯ TÌM TỰ DO TỪ BẮC VÀO NAM QUÊ HƯƠNG.

A. Sự kiện.

Hiệp định Genève được ký kết giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH) và Pháp, tạm thời chia đôi Quê hương Việt Nam thành hai vùng tập trung quân sự tại vĩ tuyến 17. Hệ thống bộ máy dân sự và lực lượng quân sự của chính quyền VNDCCH được tập trung ở miền Bắc và hệ thống bộ máy dân sự cùng lực lượng quân sự của chính quyền Liên hiệp Pháp được tập trung ở miền Nam, chờ Tổng tuyển cử tự do dự kiến sẽ xảy ra vào ngày 20.07.1956 (?). Điều 14 (phần d) Hiệp định cho phép người dân ở mỗi miền di cư đến miền kia và yêu cầu phía quản lý tạo điều kiện cho họ di cư trong vòng 300 ngày sau thoả hiệp đình chiến (Điều 2), tức chấm dứt vào ngày 19.05.1955. Dân Hà Nội có 80 ngày, Hải Dương có 100 ngày, Hải Phòng, điểm cuối cùng tập trung để di cư có 300 ngày.

Điều 14d Hiệp định đình chỉ chiến sự qui định: "Trong thời gian từ khi Hiệp định có hiệu lực đến ngày hoàn thành việc chuyển quân nếu có những thường

dân ở một khu kiểm soát của bên này muốn sang ở vùng giao cho bên kia thì nhà chức trách của khu trên phải cho phép và giúp đỡ sự di chuyển đó".

Để giám sát thực thi Hiệp định, Ủy hội Quốc tế Kiểm soát Đình chiến được thành lập theo điều 34 Hiệp định gồm đại diện của ba nước [Ấn Độ](#), [Ba Lan](#), và [Canada](#).

B. Các Nguyên nhân.

a. Lý do chính trị và kinh tế

Nhiều người thật sự ra đi vì lý do kinh tế và chính trị: họ là những người làm việc cho Pháp, hay giới tư sản không có cảm tình với chính phủ Việt Minh. Họ phải ra đi vì sợ bị Việt Minh trả thù.

b. Lý do tôn giáo

Hai Lãnh đạo Tinh thần Thượng tọa Thích Tâm Châu (Phật giáo và Đức cha Phạm Ngọc Chi được trao phó trách vụ hướng dẫn cuộc Di Cư.

Những người di cư vào miền Nam, đặc biệt những người [Công giáo](#), cho rằng họ đã bị đàn áp tôn giáo dưới chính quyền VNDCCH. Đó là Sự Thật : các trường hợp Thầy Marcel Trần Văn Văn, Dòng Chúa Cứu thế, hay Cha Gioan Lasan Nguyễn Văn Vinh (để đọc, vào Google, viết : Thang khung Ca Chinh Vinh).

Nhiều người Bắc di cư biết rằng khả năng hành đạo và sống đạo của họ sẽ bị hạn chế hay đàn áp dưới chính quyền Việt Minh. Ngoài ra, nỗi sợ này còn được củng cố bởi những trải nghiệm trước đó của các cộng đồng Công giáo miền Bắc khi nhiều lần trong lịch sử, Nhà Nguyễn đã công khai chống lại các hoạt động của Kitô hữu. Thêm nữa, giữa Việt Minh và Giáo hội Công giáo có mâu thuẫn vì Giáo hội nhờ sự bảo vệ của Pháp.

Việc ông [Ngô Đình Diệm](#), một người Công giáo, trở thành Thủ tướng QGVN cũng thúc đẩy người Công giáo di cư vào Nam với hy vọng họ sẽ được một người đồng đạo bảo vệ. Một số người di cư vì sợ nạn đói sẽ xảy ra tại miền Bắc như năm 1945 và hy vọng khi vào Nam họ sẽ có cuộc sống sung túc hơn. Có những kẻ công kích ‘sự tác động của giới tu sĩ Công giáo’. Đúng vậy.

Trong các Giáo xứ, các linh mục hướng dẫn về dân sự và tinh thần. Do đó, tín hữu rất nghe lời giới tu sĩ. Các linh mục công kích c thường sử dụng các buổi lễ để kêu gọi di cư vào Nam.

C. Hành trình di vào Miền Nam

Người dân miền Bắc bắt đầu di cư về các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng khi Hiệp định Genève được công bố, để củng cố hành lang Hà Nội - Hải Phòng bắt đầu di cư vào Nam.

Ngày 09.08.1954, chính phủ Quốc gia Việt Nam (QGVN) lập **Phủ Tổng ủy Di cư Tị nạn** ở cấp một Bộ trong nội các với ba Nha đại diện ở miền Bắc, miền Trung và miền Nam để xúc tiến định cư. Ngoài ra, còn có Ủy ban Hỗ trợ Định cư, một tổ chức cứu trợ tư nhân giúp sức.

Đối với sinh viên đại học, Bộ Tư lệnh Pháp dành 12 chuyến bay trong hai ngày 12 và 13.08.1954 đưa khoảng 1200 sinh viên miền Bắc vào Nam để kịp niên học mới. Ước tính chỉ khoảng 2/3 tổng số sinh viên đã chọn di cư.

Để có đủ phương tiện đưa những người di cư vào Nam, chính quyền Pháp và Quốc trưởng **Bảo Đại** phải kêu gọi các nước khác giúp chuyên chở và định cư. Các chính phủ Anh, **Tây Đức**, **Nam Hàn**, Hoa Kỳ, **Nhật**, **Philippines**, **New Zealand**, **Trung Hoa Dân Quốc**, **Úc** và **Ý** hưởng ứng cùng các tổ chức **UNICEF**, **Hồng Thập Tự**, Catholic Relief Services (CRS), Church World Services (CWS), Mennonite Central Committee (MCC), International Rescue Committee (IRC), CARE và **Thanh thương Hội Quốc tế** (Junior Chamber International, JCI).

Ngày 04.08.1954, cầu hàng không nối phi trường **Tân Sơn Nhất** (Sài Gòn) trong Nam với các sân bay **Gia Lâm**, **Bạch Mai** (Hà Nội) và **Cát Bi** (**Hải Phòng**) ngoài Bắc được thiết lập. Nỗ lực đó được coi là cầu không vận dài nhất thế giới lúc bấy giờ (khoảng 1.200 km đường chim bay). Phi cảng Tân Sơn Nhất trở nên đông nghẹt; tính trung bình mỗi 6 phút một là một máy bay hạ cánh và mỗi ngày có từ 2000 đến 4200 người di cư tới. Tổng kết là 4280 lượt hạ cánh, đưa vào 213.635 người.

Ngoài ra, một hình ảnh quen thuộc với người dân tỵ nạn là ‘**tàu há mồm**’ (landing ship tank, LST) đón người ở trên bờ rồi chuyển ra tàu lớn neo ngoài

hải phận miền Bắc. Các tàu thủy vừa hạ xuống, hàng trăm người đã giành lên. Các tàu của Việt Nam, Pháp, Anh, Hoa Kỳ, ... giúp được 555.037 người "vô Nam". "Nam" được hiểu là cả dải duyên hải miền Nam, từ Đà Nẵng tới **Vũng Tàu**. Vì số người di cư quá đông, Cao uỷ Pháp đã xin gia hạn thêm ba tháng và phía Hà Nội đã thoả thuận nên ngày cuối cùng thay vì là ngày 19.05 được đổi thành ngày **19.08.1955**. Trong thời gian gia đó, thêm 3.945 người đã vượt tuyến vào Nam. Chuyến tàu thủy cuối cùng của cuộc di cư cập bến Sài Gòn vào ngày 16.08.1955. Thêm vào đó, còn tới 102.861 người tự tìm đường bộ hoặc ghe thuyền và phương tiện riêng.

Đến tháng 10/1955, theo số liệu VNCH có 676.348 tín đồ Công giáo (76,3% tổng số người miền Bắc di cư), 209.132 tín đồ Phật giáo (23,5%) và 1.041 tín đồ Tin Lành (0,2%) di cư vào Nam.

Để hoàn thành công cuộc Di cư, Chính phủ Mỹ đã cung cấp nhiều máy bay và 41 tàu chiến của Đệ Thất Hạm đội chở người di cư vào Nam và cung cấp 55,785 triệu đô la cho việc tái định cư người tị nạn.



D. Miền Nam tiếp đón đồng bào di cư từ Miền Bắc

Việc tiếp cư cho những người tìm Tự do từ Bắc vào đã trở thành nhu cầu cấp bách cho Chính quyền Ngô Đình Diệm. Khi đặt chân đến miền Nam, vị thế của đồng bào Miền Bắc di cư tại nơi ở mới được quyết định bởi mối quan hệ của họ với công dân Miền Nam.

Nhiệm vụ tiếp cư này trong buổi ban sơ không đơn thuần là trách nhiệm của Chính phủ Ngô Đình Diệm, Giáo hội Công giáo, vừa ý thức trách nhiệm Bác ái của mình và vì đa số người di cư là Đồng đạo, có thể đông hơn chính Giáo hội miền Nam. Do đó, theo thẩm quyền Giáo luật ban, quý Đức cha đã cộng tác với Chánh quyền trung ương và Địa phận để cộng tác thực hiện nhiệm vụ này.

=> **Một kỷ niệm.** Trong thời gian này, Mỹ quốc viện trợ cho đồng bào tị nạn nhiều thực phẩm. Trong đó, có loại fromage màu vàng có hình dáng giống như cây savon. Nhiều người không thích ăn, đem ra bán ở ‘chợ trời’, thân phụ chúng tôi mua về thưởng thức. Fromage trét trên bánh mì, để trên lửa cho vừa nóng. Ăn tuyệt diệu.

Đ. Công cuộc Tạm cư

Số người di cư tạm trú ở nhiều trại tạm cư trong vùng Sài Gòn. Kế hoạch định cư tính từng nhóm 1.000 đến 3.000 người để đưa về quê. Dân miền biển làm [nghề cá](#) thì chuyển ra vùng duyên hải. Chính phủ Hoa Kỳ trích một số tiền viện trợ qua cơ quan Mỹ để mua nông cụ, trâu bò và một số vật liệu xây cất hầu giúp người di cư, tập trung ở vùng [Cái Sắn](#). Trong hai năm ngân sách là 93 triệu [Mỹ kim](#) với 77.000 [ha](#) khai phá được chuyển cho 100.000 dân di cư đến canh tác. Tính đến giữa năm 1957 thì đã lập nên 319 làng di cư làm nơi định cư cho khoảng 450.000 người. Số còn lại hòa mình vào Đô thành Sài Gòn.

Việc chỉ có 300 ngày để di cư trong khi số lượng người di cư rất lớn khiến Chính phủ Ngô Đình Diệm phải xây 42 trung tâm tạm cư. Các trạm này sử dụng các công trình công cộng có sẵn như trại lính Pháp, nhà thờ, một số trường dòng. Hàng ngàn người đã ở trong các lều tạm ở sân bay Tân Sơn Nhất và trường đua Phú Thọ.

Đ. An cư và Lập nghiệp

Những người di cư được chuyển tới các vùng ven Sài Gòn để tiến hành tái định cư, chỉ một số ít tự lựa chọn điểm đến, đa phần đi theo giới tăng lữ hoặc do Chính phủ ông Diệm sắp xếp. Ngay từ tháng 08/1954, chính quyền Diệm đã trao cho Đức cha Phê rô Phạm Ngọc Chi một khu đất 25.000 ha để cho giáo xứ Bùi Chu tái định cư ở Xuân Lộc và Biên Hòa. Với sự hỗ trợ của Hoa

Kỳ, Diệm đã xây 40 làng mới với 2.500 dân/làng. Đối với giáo xứ Phát Diệm, chính quyền Sài Gòn và Đức cha Tadêô Lê Hữu Từ đưa họ tới Gia Kiệm, tới tháng 4/1954, số dân ở đây đã là gần 500.000 người. Tới tháng 12/1955, chính quyền Sài Gòn đã thiết lập được 257 khu tái định cư. Việc thiết lập các khu tái định cư là để tránh mâu thuẫn về văn hóa và mâu thuẫn kinh tế giữa người di cư và người bản địa, đồng thời cũng giảm áp lực gia tăng dân số lên hệ thống dịch vụ sẵn có từ trước.

Đối với các khu tái định cư, chính quyền Sài Gòn đặt ra những mục tiêu về kinh tế, chính trị và an ninh nhất định. Những khu này được bố trí ở những vị trí chiến lược, cửa ngõ vào các đô thị lớn. Đặc biệt, để giữ Tây Nguyên, ông Diệm đã tổ chức rất nhiều khu tái định cư ở gần Buôn Mê Thuật, Pleiku và Đà Lạt.

E. Tập kết ra Bắc

Số liệu VNDCCH cho thấy có 182.046 người di cư ra Bắc bằng phương tiện riêng, bằng rừng Trường Sơn, hoặc đi trên các tàu của [Ba Lan](#), [Pháp](#) và [Liên Xô](#). Đa số những người tập kết ra Bắc là những cán bộ, quân đội kháng chiến Việt Minh và gia đình họ, hoặc cư dân có cảm tình với Việt Minh.

Có 5 đại đoàn 324, 325, 305, 330, 338 cùng một số đơn vị khác tập kết ra Bắc. Rất nhiều người sau này trở thành anh hùng trong chiến trận, hoặc những vị tướng, kỹ sư, bác sĩ, nhà khoa học nổi tiếng. Đa phần ở lại miền Bắc như người dân, hoặc công tác theo chính phủ yêu cầu; một phần quân số cùng con em của họ trở về miền nam chiến đấu và là bộ phận của Quân đội Nhân dân Việt Nam.

Phủ Tổng uỷ Di cư Tỵ nạn [QGVN](#) ghi nhận có 4.358 người đi qua ngả Chính phủ. Họ là những người vì vội vã đã bỏ vào Nam nay đổi ý muốn trở lại ra Bắc hay những người tin theo vận động của VNDCCH tìm đường ra Bắc. Số người này được vận chuyển bằng đường thủy và hàng không của Pháp.

II. ĐÀO THOÁT KHỎI QUÊ HƯƠNG THÂN YÊU.

Không có cuộc Đảo chánh ngày 01.11.1963 bán Chủ quyền VNCH cho tư bản Mỹ đem quân viễn chinh của chúng vào với ngụ ý chiêu bài ‘bảo vệ Tự do’. Sự Thật là ngay các lính quân dịch Mỹ dạy Anh ngữ còn không có Tự

do. Trong các lớp học, dù lương cao, tiếp liệu đầy đủ so với người Việt, họ còn bất mãn ra mặt vì, có khi vừa tốt nghiệp, phải xa gia đình, bạn tình... Trong tình trạng tinh thần yếu thế, rồi lây lan cho thiếu số các tướng tá Việt thì làm sao thắng cộng.

Lần đầu tiên, người dân Việt phải gạt nước mắt rời Quê Cha Đất Tổ, dù trước đó, Đất Nước đã bị sự đô bỏi Tàu hay Pháp và bị chết đói như năm 1945.

Những người khinh miệt chế độ cộng sản được chia làm hai đợt chính: Di tản vì đã rời Việt Nam ngay trong thời gian trước sau ngày 30.04.1975 và Vượt biên, dù bằng đường bộ hay đường biển.

1./ Tháo chạy.

Ngay từ giữa tháng 4/1975, những đợt di tản rời Việt Nam đã bắt đầu với các nhân viên và gia đình làm việc tại các Sứ quán, công ty ngoại quốc cùng những người Việt có phương tiện riêng hoặc được các sở Mỹ và các nước đồng minh trợ giúp. Ngày 29.04.1975, Tổng thống Mỹ Gerald Ford chính thức ra lệnh mở chiến dịch 'Frequent Wind' để di tản người Mỹ và một số người Việt đã cộng tác hay liên hệ với họ và chính phủ VNCH rời khỏi Việt Nam để tránh bị Việt cộng trả thù. Lúc 12 giờ ngày 30.04.1975, cộng quân tiến chiếm Sài Gòn. Hôm đó, các phi cơ quân sự và tàu chiến cùng nhau đào thoát... và một thời gian sau đó, rất nhiều vụ di tản vẫn thành công. Tuy nhiên, số người tìm tự do bị chết trên biển cả gia tăng. Con số chính xác không ai biết được, dù các tổ chức phi chính phủ ước tính đến năm 2000, tức sau cuộc Vượt biên đề cập dưới đây.

2. Vượt biên.

Quyết định bỏ cha mẹ, gia đình và Quê hương ra đi là một quyết định sống-chết cho người Việt Nam chúng ta. Những đồng bào còn chút hy vọng là người cộng sản còn chút lương tri không nở đối xử với những người miền Nam như kẻ thù không đội trời chung và chính đồng bào cũng sẵn sàng cộng tác với chính quyền mới để cùng xây dựng một Việt Nam Thống nhất trong Hòa bình.

Sau bao hứa hẹn của bọn cộng nô, nhất là vụ lường gạt 'sĩ quan, công chức đi

học tập’, chúng ta bị buộc phải lựa chọn và quyết định. Nhưng lúc đó, biên cương đã bị chúng kiểm soát, nên mới có từ ‘vượt biên’. Nếu may mắn đến bờ Tự Do thì còn có hy vọng sống được một cuộc đời đáng sống.

Sự man rợ của chế độ càng đáng ghê tởm hơn khi chúng tổ chức ‘vượt biên bán chính thức. Năm 1978, khi Trung cộng đe dọa dạy cho Việt cộng một bài học, nhà nước Việt muốn đuổi đi nhóm người Hoa Chợ lớn (nhưng không ít người Việt cũng trong đó), nên đã cho cập bến những tàu buôn cũ kỹ từ Hương cảng mà chiếc Hải Hồng nổi tiếng nhất đã chở nhiều ngàn thuyền nhân đến bến bờ Tự Do. Những người tham dự phải nộp vàng cho công an, giá cao thấp tùy theo phải qua nhiều hay ít trung gian. Số vàng này được đem về lầu 10 Ngân hàng Tp.HCM và gồm nhiều lượng vàng giả. Ngày 17.02.1979, Tàu cộng tấn công toàn biên giới hai nước và tàn sát đồng bào, nhất là phụ nữ.

Trên biển cả, thuyền nhân bị hải tặc cướp của và phụ nữ bị hãm hiếp. Thật là địa ngục trần gian khi vợ bị hãm hiếp trước mặt chồng hay mẹ trước mặt con cái. Khi đến bến bờ Thái Lan, Hương cảng,..., đồng bào ta còn gặp phải đám công chức thanh lọc tư cách tị nạn chính trị. Có dịp du lịch Việt Nam đôi ba ngày, chúng đâu thấu biết nỗi khổ triền miên nơi người bị thống trị. Thấy nhà thờ đông giáo dân là chúng cho là có tự do tôn giáo.

Thông cáo loan đi ‘0 giờ ngày 16.06.1988 mở đầu một định mệnh khác cho những người Việt Nam vượt biển đến Hồng Kông. Họ sẽ bị đối xử như những người nhập cảnh bất hợp pháp và phải chờ chính phủ thanh lọc để xác định tư cách tị nạn chính trị, trước khi được cứu xét cho đi định cư ở nước thứ ba’.

Đó là dấu hiệu sự bất lực của con người trước thảm cảnh của đồng loại, sự hấp hối lương tri trước nỗi khổ của những cuộc khởi hành muộn.

Vài nạn nhân của sự bác bỏ tư cách tị nạn chính trị:

- Ngày 20.05.1994, Lê Xuân Thọ, 28 tuổi, tự rạch bụng mình và tự thiêu. Sau đó anh đã chết vì phỏng nặng.

- Phạm Văn Châu, một cựu quân nhân VNCH, đã tự thiêu ở trại tị nạn Galang, Nam Dương ngày 26.04.1994. Anh qua đời hai ngày sau đó.

- Ngày 12.04.1992, Nguyễn Văn Quang, hạ sĩ thuộc Tiểu đoàn 1 Không vận Quân đội VNCH, đã treo cổ tự tử ở trại Galang, Nam Dương, sau khi bị khước từ tư cách tị nạn chính trị, và đơn kháng cáo của anh cũng bị bác. Anh mất đi để lại 1 góa phụ và 3 đứa con còn bé, mồ côi cha.

- Ngày 30.08.1991, tại trại Galang, Nam Dương, cô Trịnh Kim Hương, 28 tuổi, tự thiêu sau khi bị phủ nhận tư cách tị nạn chính trị.

- Chị Hoàng Thị Thu Cúc, 26 tuổi, con một lãnh tụ một chính đảng chống cộng vừa chết trong ‘trại cải tạo’ Việt cộng. Gia đình cô bị trục xuất khỏi nhà, tới trại lao động cưỡng bách. Chị Cúc bị đuổi khỏi trường dạy vì ‘lý lịch gia đình xấu’. Bất kể những sự kiện trên, chị vẫn bị khước từ quy chế tị nạn. Tháng 12/1992, khi đơn kháng cáo bị bác bỏ, chị đã treo cổ tự tử, để lại bốn anh em trai ở trại Sikiew, Thái Lan.

- Vụ tự sát của Lâm Văn Hoàng, 22 tuổi, đã gây nên một cuộc biểu tình phản đối ở trại tị nạn Pulau Bidong, Mã Lai. Anh đã lao mình từ vách đá xuống biển, sau khi bị từ chối tư cách tị nạn chính trị vào tháng giêng năm 1991.

- Trần Văn Minh, cựu Trung úy, treo cổ tự tử ngày 10.10.1992. Ông được cấp quy chế tị nạn chính trị, nhưng con trai là Trần Minh Khôi, 18 tuổi, đã bị rút ‘thanh lọc’. Vì Khôi không có 3.000 mỹ kim mà các viên chức duyệt xét đòi hỏi, đơn kháng cáo của anh sau đó cũng bị bác.

- Tháng 2/1993, cô Lưu Thị Hồng Hạnh, 16 tuổi không người thân thích, đã tự thiêu sau khi Cao ủy tị nạn Liên Hiệp Quốc rút lại quy chế tị nạn. Cô đã viết: « Chị thương, hôm nay em đã bị từ chối tư cách tị nạn chính trị. Rạng sáng mai, em sẽ treo cổ tự tử để thoát mọi đau khổ. Nhưng lúc nào em cũng sẽ ở bên cạnh chị để che chở cho chị và các cháu ».

- Trịnh Anh Huy, 20 tuổi, tự thiêu ngay trước văn phòng Cao ủy tị nạn Liên Hiệp Quốc ở Galang, Nam Dương, ngày 27.08.1992 đã viết thư tuyệt mạng: « Tôi chết đi không phải vì tuyệt vọng, mà vì tôi muốn đem lại niềm hy vọng và sự sống cho nhiều người khác ».

Chưa hết, để Việt cộng nhận các người vượt biên, các nước thành viên Liên hiệp Âu châu phải cho chúng tiền. Khi về tới Việt Nam, đồng bào đã bị chúng cướp hết ngoại tệ tổ chức này biếu tặng.

Thượng Đế ơi! Bao giờ Đồng bào Việt Nam bớt đau khổ bởi cộng đảng Việt ? Quý Vị Lãnh Đạo dân cử các quốc gia thế giới tự do có biết, hay cố tình lờ đi, việc nhà nước Việt Nam không do người dân Việt bầu ? Thế cũng là thành viên dân chủ Liên Hiệp Quốc sao ?

Mỹ tổ chức Di Tản.

Trong thời gian gần đây, cuối tháng 08/2021, Tổng thống Mỹ Joe Biden tổ chức cuộc di tản khỏi Kabul (Afghanistan) mà Chủ tịch Eurasia Group, công ty tư vấn về chính trị quốc tế, ghi nhận với AFP *‘đây là một cuộc khủng hoảng lớn. Một thất bại về tình báo, thất bại trong việc lập kế hoạch, thất bại về truyền thông và thất bại về phối hợp với các đồng minh’*. Chính Biden cũng thừa nhận đã *‘không dự kiến trước’* sự sụp đổ quá nhanh quân đội Afghanistan, được Washington tài trợ và đào tạo trong hai thập niên.

Cuộc khủng bố kép do Daech gây ra tại sân bay Kabul ngày 26.08.2021, khiến ít nhất 85 người chết, trong đó có 13 quân nhân Mỹ, khiến uy tín của Joe Biden càng sụt giảm mạnh, trong bối cảnh chiến dịch di tản của Mỹ bị chỉ trích là thiếu chuẩn bị, thiếu phối hợp. Tuy nhiên, theo báo chí Hoa Kỳ, có nhiều diễn biến cho thấy Tổng thống Biden không thể làm khác hơn, do kế hoạch di tản phụ thuộc chặt chẽ vào Kabul. Khủng hoảng Afghanistan, di sản của nhiều đời tổng thống Mỹ, bắt đầu bằng quyết định sai lầm của Tổng thống Bush (con) đưa quân can thiệp và ở lại đây từ năm 2002 - đã trở thành thử thách nghiêm trọng nhất đối với Tổng thống thứ 46 của Mỹ, Hôm 26.08.2021, cựu Tổng thống D. Trump khẳng định *« Thảm kịch này đáng lẽ không thể để xảy ra »*. Nghị sĩ Cộng Hòa Elise Stefanik nhấn mạnh là *« Giờ đây bàn tay Joe Biden thấm máu »*, và kêu gọi ông Biden từ chức.

Cha mẹ lính Mỹ thất vọng và đau đớn khi con chết ở sân bay Kabul. Ông Steve Nikoui theo dõi tin tức với hy vọng con trai bình an sau vụ đánh bom ở Kabul, cho đến khi ba thủy quân lục chiến đến nhà ông báo tử.

Ngày 25.08.2021, hạ sĩ Kareem Nikoui, 20 tuổi, gửi về nhà video diễn cảnh anh đang phát kẹo cho trẻ em tại sân bay Kabul. Một ngày sau đó, anh trở thành một trong 13 quân nhân Mỹ thiệt mạng trong vụ đánh bom liều chết bên ngoài sân bay.

"Con tôi chào đời cùng năm 2001 khi cuộc chiến bắt đầu, và kết thúc cuộc đời mình cùng hồi kết cuộc chiến này", ông Nikoui nói hôm 27.08.2021.

"Tôi thực sự thất vọng về cách Tổng thống xử lý điều này, càng tức giận hơn với cách xử lý của quân đội. Các chỉ huy tại trận sẽ ra phải nhận ra mối đe dọa này và giải quyết nó".

Nhiều nhà báo đã so sánh vụ này với cuộc di tản ngày 30.04.1975 khi Sài Gòn thất thủ. Chúng tôi nhớ lại năm 1975, Thượng nghị sĩ Joe Biden đã chống lại đề nghị viện trợ khẩn cấp cho VNCH và, sau đó, chống lại việc thu nhận người tị nạn Việt Nam.

Dừng tham quyền, hãy lo phục vụ như đã hứa đi.

Sau mười tháng tại chức, giữa lúc bách phân tín nhiệm giảm và sức khỏe có vấn đề, Tổng thống Mỹ Joe Biden, 79 tuổi, ngày 22.11.2021, đã bảo phát ngôn viên Bạch ốc Jen Psaki nói với các phóng viên, theo Reuters, rằng ông có ý ứng cử thêm một nhiệm kỳ năm 2024 khi đang bay trên Air Force One để tới tham dự sự kiện Lễ Tạ ơn với quân đội Hoa Kỳ ở Fort Bragg, Bắc Carolina.)

(Còn tiếp 9)

Vietcatholic, ngày 28.11.2021

HÀ MINH THẢO